

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng năm 2022

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

Đầu năm dương lịch (dịp tết Nguyên đán) công ty có thêm sản phẩm mới lon cao Thabrew Silver, đáp ứng hơn cho sự đa dạng các dòng sản phẩm của công ty. Bước đầu đã đặt được điểm bán ở tỉnh ngoài.

Từ Tháng 01 đến cuối tháng 08 tại Thanh Hóa là một tỉnh không có các ca bệnh lan trong cộng đồng. Các điểm bán kênh ON chỉ bị hạn chế về chỗ ngồi, không có các chỉ thị đóng cửa so với các tỉnh thành khác.

2. Khó khăn

Bắt đầu từ cuối tháng 08/2021, tại một số Huyện thị như: TP Thanh Hóa, Nông Công, Nga Sơn áp dụng CT.16, TPTH áp dụng từ 01/9. Tại một số huyện áp dụng CT16 theo khu vực khi phát sinh các ca bệnh, đồng thời đưa ra biện pháp cách ly Người từ vùng dịch về địa phương, công tác kiểm soát dịch bệnh đối với lái xe đi lại giữ các vùng được cơ quan chức năng làm nghiêm ngặt: gây khó khăn cho công tác vận chuyển, bán hàng, nhập vật tư.

Mặc dầu không có quy định đóng cửa nhà hàng, tuy nhiên các nhà hàng, điểm bán lớn cũng chủ động đóng cửa do không kham nổi các chi phí. Hệ thống quán Karaoke đóng cửa hầu hết trong cả năm, các lễ hội bị hạn chế/ hoặc không được mở cửa, điểm bán hàng kênh ON có lúc bị hạn chế khung giờ bán hàng... đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiêu thụ sản phẩm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, Công ty đạt được các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021 (*)	Thực hiện 2021	TH 2021/ TH2020 (%)	TH 2021/KH 2021 (%)
A	SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ						
I	Sản lượng sản xuất (I.a+I.b)	1000 lít	50.567,3	51.200,0	39.072,3	77,27	76,31
a	Bia Thanh Hóa+ Li xăng	1000 lít	43.281,8	46.200,0	35.485,7	81,99	76,81
b	Bia Hà Nội gia công	1000 lít	7.285,5	5.000,0	3.586,6	49,23	71,73
1	Bia hơi Thanh Hóa các loại	1000 lít	14.959,8	14.800,0	12.736,3	85,14	86,06

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021 (*)	Thực hiện 2021	TH 2021/TH2020 (%)	TH 2021/KH 2021 (%)
2	Bia chai Thanh Hóa	1000 lít	23.929,3	25.600,0	18.148,1	75,84	70,89
3	Bia lon Thanh Hóa	1000 lít	2.910,6	3.900,0	3.066,4	105,35	78,63
4	Bia Li xang 30 lít +02 lít	1000 lít	1.482,2	900,0	1.534,9	103,56	80,78
5	Bia chai HN gia công	1000 lít	2.554,3	2.000,0	1.177,2	46,09	58,86
6	Bia lon HN gia công	1000 lít	4.731,2	3.000,0	2.409,4	50,93	80,31
II	Sản lượng tiêu thụ tổng (II.a+II.b)	1000 lít	91.289,1	96.207,8	79.352,3	86,92	82,48
a	Sản lượng tiêu thụ bia Thanh Hóa, bia Li xang và bia Hà Nội gia công	1000 lít	49.995,8	51.200,0	39.977,1	79,96	78,08
	Bia hơi TH các loại	1000 lít	14.847,4	14.800,0	12.610,1	84,93	85,20
	Bia chai TH các loại	1000 lít	23.950,8	25.600,0	18.375,2	76,72	71,78
	Bia lon TH các loại	1000 lít	3.066,1	3.900,0	3.251,5	106,05	83,37
	Bia Li xang 30 lít +02 lít	1000 lít	1.469,6	1.900,0	1.518,9	103,35	79,94
	Bia chai HN gia công	1000 lít	2.356,5	2.000,0	1.465,8	62,20	73,29
	Bia lon HN gia công	1000 lít	4.305,3	3.000,0	2.755,6	64,00	91,85
b	Sản phẩm HABECO tiêu thụ tại MTV	1000 lít	41.293,3	45.007,8	39.375,3	95,36	87,49
	Bia chai các loại	1000 lít	6.712,9	9.223,0	5.089,9	75,82	55,19
	Bia lon các loại	1000 lít	34.178,2	35.329,0	34.001,1	99,48	96,24
	Bia hơi (Đóng lon)	1000 lít	56,0	86,0	39,1	69,75	45,45
	Nước tinh lọc	1000 lít	346,2	369,8	245,2	70,84	66,31
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
I	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hợp nhất)	Tỷ đồng	1.417,62	1.540,22	1.298,46	91,59	84,30
II	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.214,59	1.288,20	1.127,47	92,83	87,52
III	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	142,85	169,49	119,4	83,61	70,47
IV	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	44,78	49,19	42,55	95,03	86,51
V	Tổng nộp NS Nhà nước	Tỷ đồng	311,28	321,67	252,26	81,04	78,42
VI	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	5,11	10,80	8,30	162,43	76,85
VII	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	3,08	7,93	5,60	182,00	70,65
VII	Thu nhập bình quân người lao động						
1	Tại Công ty mẹ	đồng/người /tháng	8.558.389,2	10.100.670,0	7.830.149,9	91,49	77,52
2	Tại Công ty Công ty Thương mại Habeco Miền Trung	đồng/người /tháng	10.120.437,0	10.168.761,0	9.104.409,0	89,96	89,53

1. Đối với sản xuất:

Tổng sản lượng sản xuất bia các loại đạt 39,072 triệu lít, đạt 76,31 % kế hoạch năm 2021. Cụ thể như sau:

- Bia Li xăng + bia Thanh Hóa các loại đạt 35,485 triệu lít, giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 7,73 triệu lít, đạt 76,8% kế hoạch năm 2021.

- Sản phẩm HABECO gia công đạt 3,59 triệu lít, giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 3,69 triệu lít, đạt 71,73% kế hoạch năm 2021.

2. Đối với tiêu thụ:

Tổng sản lượng tiêu thụ bia các loại (Số liệu hợp nhất) năm 2021 đạt 79,35 triệu lít (Bao gồm sản lượng gia công cho TCT); giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 11,93 triệu lít, đạt 82,48% kế hoạch năm 2021. Cụ thể như sau:

- Bia Thanh Hóa các loại đạt 35,76 triệu lít giảm so cùng kỳ với năm 2020 là 7,57 triệu lít, đạt 77,4% kế hoạch năm 2021. Trong đó:

+ Bia hơi Thanh Hóa các loại đạt 14,07 triệu lít (đã bao gồm cả bia hơi li – xăng), giảm so với năm 2020 là 2,24 triệu lít, đạt 84,2% kế hoạch năm 2021.

+ Bia chai Thanh Hóa các loại đạt 18,38 triệu lít, giảm so với năm 2020 là 5,58 triệu lít, đạt 71,78% kế hoạch năm 2021.

+ Bia lon Thanh Hóa các loại đạt 3,25 triệu lít tăng so với năm 2020 là 0,2 triệu lít, đạt 83,37% kế hoạch năm 2021.

- Bia gia Công chai + lon Hà Nội đạt 4,22 triệu lít, giảm so cùng kỳ với năm 2020 là 2,44 triệu lít, đạt 84,0% kế hoạch năm 2021.

- Sản phẩm HABECO tiêu thụ tại Công ty thương mại đạt 39,37 triệu lít. (Bia chai các loại đạt 5,09 triệu lít, bia lon các loại đạt 34,0 triệu lít, nước tinh lọc đạt 0,25 triệu lít), giảm 1,92 triệu lít so với cùng kỳ năm 2020, đạt 87,49% kế hoạch năm 2021.

3. Kết quả tài chính:

+ Doanh thu bán hàng và CCDV hợp nhất đạt: 1.298 tỷ đồng. Giảm 119 tỷ so với cùng kỳ. Đạt 84,3% kế hoạch.

+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt: 8,3 tỷ đồng; tăng 3,2 tỷ đồng so với cùng kỳ; đạt 76,85% kế hoạch.

+ Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất đạt): 5,6 tỷ đồng; tăng 2,52 tỷ đồng so với cùng kỳ; đạt 70,65% kế hoạch.

+ Nộp ngân sách Nhà nước: 252,26 tỷ đồng; giảm 59,02 tỷ đồng so với cùng kỳ; đạt 78,42% kế hoạch.

+ Thu nhập bình quân người lao động:

- Tại Công ty mẹ: 7,83 triệu đồng/ người/ tháng; giảm 0,72 triệu đồng so với cùng kỳ, đạt 77,52% kế hoạch.

- Tại Công ty MTV: 9,10 triệu đồng/ người/ tháng; giảm 1,01 triệu đồng so với cùng kỳ, đạt 89,53% kế hoạch.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ.

1. Công tác sản xuất

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐQT: Công ty đã tập trung vào công tác điều hành, tiết giảm các chi phí, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã thực hiện linh hoạt công tác sản xuất, đảm bảo theo yêu cầu quy định của Chính phủ về Công tác phòng chống dịch bệnh.

- Một số nguyên, nhiên vật liệu tăng giá, chuỗi cung ứng vật tư đôi lúc gián đoạn. Sản xuất thực hiện gián đoạn nhằm đáp ứng yêu cầu của chống dịch, cũng như bổ sung các biện pháp kiểm soát dịch cho Người lao động, khách hàng (Test nhanh, khử khuẩn...) đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty đã sử dụng lâu năm, trong thời gian qua phát sinh nhiều sự cố. Do đó, cũng đã ảnh hưởng đến hiệu suất, năng suất lao động.

2. Công tác tiêu thụ

- Tiếp tục quy hoạch từng vùng thị trường cho các Đại lý, nhà phân phối (NPP) phù hợp với khả năng, năng lực phân phối của từng Đại lý, NPP. Đảm bảo các vùng thị trường quy hoạch phải liên khu, liên địa tạo thuận lợi cho việc bán hàng và quản lý.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đại lý cấp 2; mở rộng độ bao phủ của sản phẩm trên thị trường.

- Xây dựng các chế tài, quy chế hoạt động đối với Đại lý, NPP nhằm tạo sân chơi bình đẳng, đảm bảo quyền lợi và lợi nhuận kinh doanh cho Đại lý, NPP.

- Tìm kiếm xây dựng Đại lý/NPP có năng lực, có tâm, có tầm. Đặc biệt tâm huyết kinh doanh các sản phẩm của Công ty thay thế các Đại lý/NPP yếu kém, thiếu động lực kinh doanh phát triển sản phẩm của Công ty.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Năm 2022 tiếp tục là một năm gặp nhiều khó khăn khi giá cả Nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu tăng dẫn đến chi phí vận chuyển tăng, ảnh hưởng trực tiếp cuộc chiến tranh Nga – Ukraina có nguy cơ gián đoạn sản xuất một cách hiện hữu. Công ty cũng mạnh dạn đưa ra Kế hoạch cho năm 2022 như sau:

I. SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT - TIÊU THỤ, TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022 (*)	KH 2022/ TH2021 (%)
A	SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ				
I	Sản lượng sản xuất tổng (I.a+I.b)	1000 lít	39.072,3	44.900,0	114,92
a	Bia Thanh Hóa và Li xăng	1001 lít	35.485,7	39.200,0	110,47
b	Bia Hà Nội gia công	1002 lít	3.586,6	5.700,0	158,92
	Cụ thể:				
	Bia hơi Thanh Hóa	1000 lít	12.736,3	13.590,0	106,70
	Bia chai Thanh Hóa	1000 lít	18.148,1	20.550,0	113,23
	Bia lon Thanh Hóa	1000 lít	3.066,4	3.330,0	108,60
	Bia Li xang 30 lít +02 lít	1000 lít	1.534,9	1.730,0	112,71
	Bia chai HN gia công	1000 lít	1.177,2	400,0	33,98
	Bia lon HN gia công	1000 lít	2.409,4	5.300,0	219,97
II	Sản lượng tiêu thụ tổng (II.a+II.b)	1000 lít	79.352,3	89.100,0	112,28

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022 (*)	KH 2022/ TH2021 (%)
a	Sản lượng tiêu thụ bia Thanh Hóa, bia Li xăng và bia Hà Nội gia công	1000 lít	39.977,1	44.900,0	112,31
	<i>Bia hơi TH các loại</i>	1000 lít	12.610,1	13.590,0	107,77
	<i>Bia chai TH các loại</i>	1000 lít	18.375,2	20.550,0	111,84
	<i>Bia lon TH các loại</i>	1000 lít	3.251,5	3.330,0	102,41
	<i>Bia Li xăng 30 lít +02 lít</i>	1000 lít	1.518,9	1.730,0	113,90
	<i>Bia chai HN gia công</i>	1000 lít	1.465,8	400,0	27,29
	<i>Bia lon HN gia công</i>	1000 lít	2.755,6	5.300,0	192,34
b	Sản phẩm HABECO tiêu thụ tại TM	1000 lít	39.375,3	44.200,0	112,25
	<i>Bia chai các loại</i>	1000 lít	5.089,9	6.085,0	119,55
	<i>Bia lon các loại</i>	1000 lít	34.001,1	37.655,0	110,75
	<i>Bia hơi (Đóng lon)</i>	1000 lít	39,1	85,0	217,45
	<i>Nước tinh lọc</i>	1000 lít	245,2	375,0	152,94
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hợp nhất)	Tỷ đồng	1.298,44	1.559,69	120,12
II	Tổng nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	252,26	307,23	121,79
III	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	8,30	9,93	119,42
IV	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	5,60	6,07	108,45
V	THU NHẬP BÌNH QUÂN NLĐ				
1	Bia Thanh Hóa	đồng/người/tháng	7.830.149,9	9.334.043,0	119,21
2	Công ty Thương mại	đồng/người/tháng	9.104.409,0	10.500.000,0	115,33

- + Tổng sản lượng tiêu thụ: 89,1 triệu lít.
- + Doanh thu bán hàng và CCDV đạt: 1.559,69 tỷ đồng.
- + Nộp ngân sách nhà nước: 307,23 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 9,93 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 6,07 tỷ đồng
- + Thu nhập bình quân người lao động:
 - Công ty mẹ: 9,3 triệu đồng/người/tháng.
 - Công ty Thương mại: 10,5 triệu đồng/người/tháng.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác sản xuất, quản lý, cải tiến

- Tập trung làm việc với nhà cung cấp nguyên liệu để nhập được vật tư, nhằm tránh thiếu Nguyên vật liệu cho sản xuất, đặc biệt là các NVL phải nhập khẩu.

- Tập trung rà soát, xây dựng các chương trình để tiết kiệm Nguyên nhiên vật liệu. Giảm thiểu phát thải ô nhiễm theo Chương trình của Chính phủ.
- Tiếp tục cân đối, điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất tại các dây chuyền để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm năng lượng.
- Lập kế hoạch, chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số.
- Đẩy mạnh và duy trì thường xuyên công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị để phục vụ sản xuất, đặc biệt giai đoạn mùa hè cao điểm.
- Khuyến khích, phát động và đẩy mạnh các sáng kiến, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm trong sản xuất.
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát từ các cấp quản lý.

2. Công tác đầu tư, cải tạo sửa chữa, xây dựng cơ bản

- Báo cáo xin ý kiến HĐQT cho triển khai các dự án trong kế hoạch 2022: Đầu tư máy chiết lon, cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và cải tiến dây chuyền chiết chai (phần bốc xếp dầu vào – dầu ra), nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục tăng cường công tác cải tiến, hợp lý hóa sản xuất và đầu tư chiều sâu để tăng chất lượng sản phẩm và giảm được sức lao động.

3. Công tác thị trường

- Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của các cấp chính quyền trong công tác thị trường. Đẩy mạnh khai thác phát triển những vùng thị trường tiềm năng trong tỉnh, từng bước xâm nhập, mở rộng thị trường ngoài tỉnh cho sản phẩm bia Thanh Hoa.
- Công ty Thương mại: Tiếp tục tinh gọn cơ cấu nhân sự phù hợp với sự thay đổi cách thức bán hàng, nâng cao hiệu quả của đội ngũ nhân viên thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bám vùng thị trường, có các đề xuất và giải pháp linh hoạt trong công tác bán hàng.
- Tiếp tục khảo sát, đánh giá và xây dựng các phương án phát triển thị trường tại khu vực thị trường có sản lượng tiêu thụ còn thấp và gặp nhiều cạnh tranh của các loại bia khác với mục tiêu tăng sản lượng tiêu thụ, tạo độ bao phủ trên thị trường tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định bền vững lâu dài.
- Thường xuyên nghiên cứu, triển khai các chương trình kích cầu, hỗ trợ bán hàng đối với các sản phẩm phù hợp với tình hình thị trường từng giai đoạn.
- Xây dựng hệ thống quản lý khách hàng, theo dõi sản lượng thực tế của từng NPP cũng như giám sát các chính sách bán hàng được hiệu quả.
- Tiếp tục mở rộng mô hình Nhà hàng, Karaoke áp dụng các chương trình hỗ trợ khoán hoa hồng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty. Kính trình Đại hội xem xét, góp ý.

Trân trọng cảm ơn Đại hội!



Nguyễn Kiên Cường